KẾT QUẢ THI THỬ LẦN 2 - LỚP 12A5 NĂM HỌC 2022 - 2023

STT	SBD	Tên thí sinh	Ngày sinh	Lớp	Phòng thi	Bài thi tổ hợp			Điểm Bài thi tổ	Toán	Văn	Tiếng Anh	Điểm TB Thi	Điểm HKI	Điểm xét Tốt	Kết quả
1	012003	Nguyễn Thị Trâm Anh	31/03/2005	12A5	Phòng 1	4,75	4,50	5,25	4,83	5,60	7,00	2,80	5,06	7	5,64	Đạt
2	012015	Bùi Thị Kim Dung	04/05/2005	12A5	Phòng 1	1,50	2,50	3,25	2,42	4,60	3,25	3,60	3,47	5,6	4,11	Hỏng
3	012028	Huỳnh Thị Hương Giang	23/12/2005	12A5	Phòng 2	3,25	2,50	4,25	3,33	3,60	7,25	5,20	4,85	7,4	5,61	Đạt
4	012032	Nguyễn Chí Hải	02/02/2005	12A5	Phòng 2	4,00	2,50	2,75	3,08	5,00	4,25	4,00	4,08	7,5	5,11	Đạt
5	012051	Trần Bá Huy	04/11/2005	12A5	Phòng 2	3,75	1,75	3,25	2,92	4,20	5,75	4,20	4,27	7,1	5,12	Đạt
6	012056	Nguyễn Đắc Quỳnh Hương	08/09/2005	12A5	Phòng 3	5,25	4,50	3,75	4,50	4,80	4,00	4,80	4,53	7,1	5,30	Đạt
7	012057	Văng Thị Ngọc Hương	05/05/2005	12A5	Phòng 3	2,75	5,50	2,25	3,50	6,00	3,00	3,80	4,08	6,8	4,89	Hỏng
8	012058	Khiếu Beaz John	12/10/2004	12A5	Phòng 3	3,75	3,75	3,50	3,67	4,40	3,00	5,60	4,17	6,4	4,84	Hỏng
9	012060	Bùi Thiện Khang	10/06/2005	12A5	Phòng 3	6,25	4,75	4,00	5,00	4,60	3,75	5,20	4,64	6,5	5,20	Đạt
10	012064	Nguyễn Đức Khánh	15/02/2005	12A5	Phòng 3	3,25	2,75	4,00	3,33	5,60	4,50	2,80	4,06	6,9	4,91	Hỏng
11	012069	Mạc Trần Minh Khôi	19/10/2005	12A5	Phòng 3	4,25	2,75	2,50	3,17	4,80	4,00	3,20	3,79	6,7	4,66	Hỏng
12	012078	Đinh Hải Long	21/02/2005	12A5	Phòng 3	4,50	5,00	3,50	4,33	5,00	5,00	5,60	4,98	6,9	5,56	Đạt
13	012079	Trần Phạm Trường Long	24/01/2005	12A5	Phòng 4	4,00	3,50	2,50	3,33	3,20	5,50	6,40	4,61	6,9	5,30	Đạt
14	012087	Trần Nguyễn Tuấn Minh	21/12/2005	12A5	Phòng 4	4,25	4,25	4,50	4,33	4,00	3,50	4,80	4,16	6,9	4,98	Hỏng
15	012110	Nguyễn Ngọc Bảo Phương	23/10/2005	12A5	Phòng 5	4,25	3,00	3,75	3,67	5,80	3,75	5,20	4,61	7,6	5,50	Đạt
16	012115	Võ Thanh Sang	20/11/2005	12A5	Phòng 5	2,75	3,25	4,75	3,58	4,80	5,75	4,20	4,58	8	5,61	Đạt
17	012117	Lê Hải Sơn	27/09/2005	12A5	Phòng 5	3,75	4,75	4,00	4,17	5,20	7,50	3,60	5,12	7,6	5,86	Đạt
18	012122	Nguyễn Hoàng Thái	28/10/2005	12A5	Phòng 5	5,00	5,25	4,25	4,83	7,20	6,50	4,40	5,73	7,7	6,32	Đạt
19	012124	Nguyễn Hoàng Chí Thành	30/07/2005	12A5	Phòng 5	5,25	2,50	5,00	4,25	4,00	4,25	5,00	4,38	6,3	4,95	Hỏng
20	012125	Lê Thị Phương Thảo	15/03/2004	12A5	Phòng 5	4,75	2,75	3,50	3,67	5,80	5,00	3,40	4,47	6,4	5,05	Đạt
21	012145	Đặng Thị Đoan Trang	13/06/2005	12A5	Phòng 6	3,75	3,25	3,75	3,58	5,00	7,25	4,20	5,01	7,4	5,73	Đạt
22	012151	Nguyễn Thành Trung	31/08/2005	12A5	Phòng 6	3,00	4,50	3,50	3,67	4,40	5,50	3,40	4,24	6,7	4,98	Hỏng
23	012152	Hoàng Trung Trực	10/04/2005	12A5	Phòng 6	3,25	2,25	4,00	3,17	4,20	4,25	2,80	3,61	7	4,62	Hỏng
24	012163	Lê Trần Thanh Tùng	25/10/2005	12A5	Phòng 7	3,25	2,25	4,75	3,42	6,00	5,50	3,40	4,58	7,6	5,49	Đạt
25	012169	Nguyễn Thảo Vân	08/04/2005	12A5	Phòng 7	3,75	3,25	3,75	3,58	4,40	5,75	3,80	4,38	7,4	5,29	Đạt

	Bài thi tổ hợp			Điểm Bài thi	Toán	Văn	Tiếng Anh	Điểm TB Thi	Điểm TBCN (HKI	Điểm xét Tốt	Kết quả
	Lý	Hoá	Sinh								

<=1	0	0	0	0	0	0	0	0		0	
<3	3	10	4	2	0	0	3	0		0	
3->3.4	5	4	2	7	1	3	4	1		0	
3.5 -> 5	13	8	17	15	13	9	11	20		9	
>=5	4	3	2	1	11	13	7	4		16	
Tổng HS	25	25	25	25	25	25	25	25		25	

	Đạt	**Hỏng**
Kết quả:	16	9
	64,00%	36,00%